

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.ĐĐ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1170/2022/DS-ST
Ngày: 13/4/2022
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.ĐĐ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước;
2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6454/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 405/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Thông báo tiếp tục phiên tòa xét xử số 1219/TB ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* NHTMCPQD

Địa chỉ: Số 28C-28D phố BT, phường HB, quận HK, HN.

Địa chỉ liên lạc: Số 175 đường KH, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà THD– Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Phòng Tổ tụng tại Miền Nam – Địa chỉ liên hệ: Số 175 đường KH, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - là Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 362/2020/UQ-NCB lập ngày 18/8/2020) (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông TTA– sinh năm: 1982

Địa chỉ: 41 đường ST phường CL, TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, NHTMCPQD do bà THĐ là Người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 03/12/2018, NHTMCPQD (từ đây gọi là “Ngân hàng”) và ông TTA ký kết Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313. Tại hợp đồng, các bên thỏa thuận Ngân hàng cho ông TAVay số tiền là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) với mục đích mua xe ô tô con; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 04/12/2018; lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày 03/12/2018 đến ngày 03/3/2019 là 12,5%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng một lần (theo công thức $LSV = \text{lãi suất cơ sở} + \text{biên độ } 4,2\%/năm$); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; lãi suất do chậm trả lãi là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chưa trả; Để bảo đảm cho khoản tiền vay, ông TAThế chấp xe ô tô có số máy 7708492, số khung 3DC8FS113122, nhãn hiệu TOYOTA, số loại SIENNA, biển số đăng ký 51F1-723.36. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông TAsố tiền là 1.900.000.000 đồng; ông TAdã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 348.904.756 đồng, tiền lãi 196.383.500 đồng. Từ ngày 14/12/2019 đến nay, ông TAKhông tiếp tục trả nợ vay cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền:

1. Buộc ông TAPhải thanh toán cho NHTMCPQD số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 tính đến ngày 13/4/2022 tổng cộng là 2.180.175.556 đồng, trong đó, nợ gốc là 1.551.095.244 đồng, tiền lãi trong hạn là 358.501.980 đồng, tiền lãi quá hạn là 221.465.973 đồng; tiền lãi do chậm trả lãi là 49.112.359 đồng;

2. Nếu ông TAKhông thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác số 1062/18/HĐTC-9313 ngày 03/12/2018 là xe ô tô có số máy 7708492, số khung 3DC8FS113122, nhãn hiệu TOYOTA, số loại SIENNA, biển số đăng ký 51F1-723.36.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; Bị đơn ông TAKhông đến Tòa án theo triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự,

thu thập chứng cứ, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; tuy nhiên có vi phạm về thời gian chuẩn bị xét xử vụ án; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

NHTMCPQD khởi kiện ông TTAdo vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018; tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, ông T cư trú tại Quận 2 (nay là TP.ĐĐ). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông TAdã được Toà án tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ngân hàng khởi kiện ông TA, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông TAdến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng ông TAvẫn không đến. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp để giải quyết vụ án.

[2.2] Theo Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018, các bên thỏa thuận Ngân hàng cho ông TAvay số tiền là 1.900.000.000đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) với mục đích mua xe ô tô con; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 04/12/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 13/12/2019 ông TAVi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông TATrả nợ gốc và các tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối chiếu Bản tự khai và Bảng tính lãi chi tiết tính đến ngày 13/4/2022 do Ngân hàng giao nộp với thỏa thuận về lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay quá hạn, lãi do chậm trả tiền lãi tại Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018, Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 và quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng yêu cầu ông TAPhải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 tính đến ngày 13/4/2022 tổng cộng là 2.180.175.556đồng, trong đó, nợ gốc là 1.551.095.244đồng, tiền lãi trong hạn

là 358.501.980đồng, tiền lãi quá hạn là 221.465.973đồng; tiền lãi do chậm trả lãi là 49.112.359đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông TAA không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là xe ô tô có số máy 7708492, số khung 3DC8FS113122, nhãn hiệu TOYOTA, số loại SIENNA, biển số đăng ký 51F1-723.36 với tên chủ xe là ông TAA theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 416551 cấp ngày 28/11/2018. Căn cứ Điều 299 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông TAA phải chịu án phí dân sự: 72.000.000đồng + (180.175.556đồng x 2%) = 75.603.511đồng; Ngân hàng không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.ĐD được Hội đồng xét xử xem xét như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 299, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHTMCPQD

1.1 Buộc ông TAA trả cho NHTMCPQD số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 là 1.551.095.244đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 13/4/2022 là 358.501.980đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/4/2022 là 221.465.973đồng; tiền lãi do chậm trả lãi tính đến ngày 13/4/2022 là 49.112.359đồng, tổng cộng tính đến ngày 13/4/2022 là 2.180.175.556đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/863/18/HĐCV-9313 ngày 03/12/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2 Trường hợp ông TTA không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì NHTMCPQD có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô có số máy 7708492, số khung 3DC8FS113122, nhãn hiệu TOYOTA, số loại SIENNA, biển số đăng ký 51F1-723.36 với tên chủ xe là ông TTA theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 416551 cấp ngày 28/11/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông TTA phải nộp án phí là 75.603.511đ (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm lẻ ba ngàn năm trăm mười một đồng).

- NHTMCPQD không phải nộp án phí; trả lại cho NHTMCPQD số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.619.555đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm mười chín ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028204 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự TP. TPĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: NHTMCPQD, ông TTA được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Hải Quỳnh Anh

